

VĂN PHÒNG THÀNH ỦY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(SAIGON PETRO CO., LTD.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: **342** / QĐ-DK-TCPCHC TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành TCCS 03:2026/SP “Nhiên liệu diesel (DO)”

* * * * *

QUYỀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, về việc chuyển Công ty Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty TNHH một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1022-QĐ/VPTU ngày 24/04/2023 của Chánh Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về việc Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng QLKT&SX.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này TCCS 03:2026/SP “Nhiên liệu diesel (DO)”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ những văn bản trước đây có nội dung trái với quyết định này.

Điều 3. Trưởng Phòng QLKT&SX, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /

TUQ. QUYỀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3. /
- Lưu VT.



Lý Vĩnh Hòa



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH
(SAIGON PETRO CO.,LTD.)**

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thông, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39307 037 - (028) 39307 989 Fax: (028) 39307 642

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 03:2026/SP
NHIÊN LIỆU ĐIEZEN (DO)**

Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 03:2026/SP** được Quyền Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty sửa đổi, phê duyệt và công bố ban hành theo quyết định số: **342** QĐ-DK-TCPCHC ngày 12 tháng 05 năm 2026.

Tiêu chuẩn này phù hợp với **Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN** và **QCVN 01:2022/BKHCN** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học và các quy định hiện hành khác.

TCCS 03:2026/SP thay thế **TCCS 03:2025/SP**.

Tiêu chuẩn này có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

NHIÊN LIỆU ĐIÊZEN (DO)

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn cơ sở này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho nhiên liệu điêzen do công ty Saigon Petro cung cấp, dùng cho động cơ điêzen của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các động cơ điêzen dùng cho mục đích khác.

2. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ và từ viết tắt

2.1. TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam.

2.2. QCVN: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia Việt Nam.

2.3. ASTM: Tiêu chuẩn của Hiệp hội Thử nghiệm Vật liệu Mỹ.

2.4. Mức 2, 3, 4 và 5: Là mức chất lượng của nhiên liệu điêzen phù hợp với Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học ban hành theo Thông tư số 19/2026/TT-BKHCN ngày 30/04/2026 và QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học ban hành theo Thông tư số 16/2022/TT-BKHCN ngày 15/12/2022, và tương ứng với tiêu chuẩn khí thải mức 2, 3, 4 và 5 quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp ban hành ngày 15/11/2024.

3. Nhiên liệu điêzen (DO)

Hỗn hợp hydrocacbon lỏng, có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi trung bình phù hợp, để sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ điêzen làm việc theo nguyên lý tự cháy khi nén dưới áp suất cao trong xy-lanh.

4. Yêu cầu kỹ thuật

Các chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp thử tương ứng đề cập trong bảng dưới đây áp dụng cho nhiên liệu điêzen phù hợp với chất lượng mức 2, mức 3, mức 4, mức 5 trong Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN và QCVN 01:2022/BKHCN.

Bảng 1- Chỉ tiêu chất lượng của nhiên liệu điêzen (DO)

STT	Tên chỉ tiêu	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Phương pháp thử
1	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg, max.	500	350	50	10	TCVN 6701 (ASTM D2622) TCVN 7760 (ASTM D5453) TCVN 3172 (ASTM D4294)

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 03:2026/SP

2	Xêtan, min. - Trị số xêtan hoặc - Chỉ số xêtan ⁽¹⁾	46 46	48 46	50 46	50 46	TCVN 7630 (ASTM D613) TCVN 3180 (ASTM D4737)
3	Nhiệt độ cất, °C, max - tại 90 % thể tích thu hồi - tại 90 % thể tích thu hồi	360 -	360 -	360 -	- 360	TCVN 2698 (ASTM D86)
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C, min.	55	55	55	55	TCVN 6608 (ASTM D3828) TCVN 2693 (ASTM D93)
5	Độ nhớt động học tại 40°C, mm ² /s (cSt)	2 – 4,5	2 – 4,5	2 – 4,5	2 – 4,5	TCVN 3171 (ASTM D 445)
6	Hàm lượng nước, mg/kg, max.	200	200	200	200	TCVN 3182 (ASTM D6304)
7	Cặn cacbon của 10% cặn chưng cất, % khối lượng, max	0,3	0,3	0,3	0,3	TCVN 6324 (ASTM D189) TCVN 7865 (ASTM D4530)
8	Điểm chảy (điểm đông đặc) ⁽²⁾ , °C, max.					TCVN 3753 (ASTM D97) ASTM D5950 ASTM D6749
	- Mùa hè, thu	+12	+12	+12	+12	
	- Mùa đông, xuân	+3	+3	+3	+3	
9	Hàm lượng tro, mg/kg, max.	0,01	0,01	0,01	0,01	TCVN 2690 (ASTM D482)
10	Tạp chất dạng hạt, mg/L, max.	10	10	10	10	TCVN 2706 (ASTM D6217)
11	Ăn mòn mảnh đồng ở 50°C trong 3 giờ, max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 (ASTM D130)
12	Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m ³ , min-max	820-860	820-860	820-860	Max 845	TCVN 6594 (ASTM D1298) TCVN 8314 (ASTM D4052)
13	Độ bôi trơn, µm, max	460	460	460	460	TCVN 7758 (ASTM D6079) TCVN 12016 (ASTM D7688)
14	Hàm lượng chất thơm đa vòng (PAH), % khối lượng, max.	-	11	11	11	TCVN 11587 (ASTM D5186) TCVN 11589 (ASTM D6591)
15	Màu ASTM, max	-	-	-	2	ASTM D1500

16	Ngoại quan	Sạch, trong, không quan sát thấy có nước tự do và tạp chất	TCVN 7759 (ASTM D4176)
----	------------	--	------------------------

CHÚ THÍCH:

⁽¹⁾ Có thể áp dụng chỉ số xêtan thay cho trị số xêtan, nếu không có sẵn động cơ chuẩn để xác định trị số xêtan và không sử dụng phụ gia cải thiện xêtan.

⁽²⁾ Mùa hè, thu tính từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 10. Mùa đông, xuân tính từ ngày 01 tháng 11 đến ngày 31 tháng 3.

Ở các vùng núi, cao nguyên có khí hậu lạnh, các nhà sản xuất, kinh doanh phân phối nhiên liệu phải đảm bảo cung cấp nhiên liệu điêzen có điểm cháy thích hợp sao cho nhiên liệu không gây ảnh hưởng đến sự vận hành của động cơ tại nhiệt độ môi trường.

5. Phụ gia

Các loại phụ gia sử dụng để pha nhiên liệu điêzen phải đảm bảo phù hợp với các quy định về an toàn, sức khỏe môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống tồn trữ, vận chuyển và phân phối nhiên liệu.

6. Lấy mẫu

Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6022 (ISO 3171) Chất lỏng dầu mỡ - Lấy mẫu tự động trong đường ống và theo quy định hiện hành của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc TCVN 6777 (ASTM D 4057) Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp lấy mẫu thủ công.

7. Phương pháp thử

Phương pháp thử: Các phương pháp thử ứng với từng chỉ tiêu cho sản phẩm nhiên liệu điêzen được quy định trong **Bảng 1**.